



**Fever/Chills**  
 Fiebre/Escalofríos  
 Sốt/Cảm Lạnh  
 發燒/發冷



**Diarrhea**  
 Diarrea  
 Tiêu Chảy  
 下痢



**Vomiting**  
 Vomitando  
 Nôn mửa  
 嘔吐



**Coughing**  
 Tosiendo  
 Ho  
 咳嗽

**Keep Our Schools Healthy!**  
**¡Mantener Nuestras Escuelas Saludables!**  
**Hãy Giữ Cho Nhà Trường Khỏe Mạnh!**  
**保持我們學校的健康！**

**Sick Children Should Stay at Home**  
**Niños Enfermos Deben de Permanecer en Casa**  
**Học Sinh Bị Ốm Cần Nghi Ở Nhà**  
**生病的學童應該留在家裏**



**Stuffy Nose**  
 Nariz Congestionada  
 Tắc Mũi  
 鼻塞



**Tiredness/Aches**  
 Cansancio/Dolores  
 Mệt Mỏi/Đau Người  
 疲勞/疼痛

- If your child has these symptoms, keep him or her at home. Provide lots of fluids and plenty of rest.
- Si su hijo(a) tiene estos síntomas, manténgalos en casa. Déle muchos líquidos y mucho descanso.
- Nếu con quý vị có các bệnh này, hãy giữ con ở nhà. Cho con uống nhiều nước và nghỉ ngơi đầy đủ.
- 假如您的小孩有這些症狀，讓他/她留在家裏。要喝很多液體並盡量休息。
- Some medicines can help your child feel better, but he or she can still spread germs to others.
- Algunas medicinas pueden ayudarle a su hijo(a) a sentirse mejor, pero ellos pueden propagar los gérmenes a otros.
- Một số loại thuốc có thể giúp con quý vị cảm thấy đỡ hơn nhưng học sinh vẫn có thể làm lây lan vi khuẩn gây bệnh sang người khác.
- 有些藥物可以讓貴子弟感覺舒服些，但他/她仍然會散播細菌給他人。
- It's hard for kids to learn when they're sick.
- Es difícil para los niños aprender cuando están enfermos.
- Việc ốm đau làm học sinh khó tiếp thu bài học hơn.
- 當孩童生病時是沒有辦法學習的。
- Wait 24 hours after your child's fever is gone before sending him or her back to school.
- Espere 24 horas después que la fiebre de su hijo(a) se haya ido antes de enviar a su hijo(a) a la escuela.
- Chờ đủ 24 giờ sau khi con quý vị dứt hẳn sốt trước khi học sinh quay trở lại đi học.
- 要等到貴子弟退燒之後24小時才可以送他/她回到學校。

